**NGOẠI KHÓA ANH BỘ ĐỘI CỤ HỒ QUA THƠ CA KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP VÀ CHỐNG MỸ**

Anh bộ đội, anh chiến sĩ, anh giải phóng quân... nhiều tên gọi khác nhau, song tất cả chỉ là một - Anh bộ đội Cụ Hồ. Không biết từ bao giờ, nhân dân ta yêu anh bộ đội như yêu quý người thân. Có lẽ, vì ta yêu cái lý tưởng cao đẹp: **“Trung với nước, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu và hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội...” (Chủ tịch Hồ Chí Minh).**

       Không phải ngẫu nhiên mà văn học Cách mạng Việt Nam có một khối lượng tác phẩm lớn dành riêng cho đề tài người lính và chiến tranh. Bởi những nhà văn, nhà thơ đều ý thức nhiệm vụ của mình là “ người thư kí trung thành của thời đại.” Hôm này ngày 22/12/ 2022 chúng ta cùng điểm lại hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ trong thơ ca Cách mạng Việt Nam qua hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc để càng yêu mến hơn, tự hào hơn về anh - người con của đất Việt với lí tưởng: “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh” cho em thơ yên ngủ, cho quê hương sạch bóng quân thù!

      Ngày 22/12/ 1944: Khi lãnh tụ Hồ Chí Minh thành lập tổ chức Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ,lịch sử đã xuất hiện một thế hệ mới, anh bộ đội với tên gọi anh Vệ quốc quân. Đấy là những người lính phần lớn không được đào tạo một cách chính quy, không qua trường lớp và ở mọi thành phần xuất thân – thể hiện tinh thần đoàn kết của cả một dân tộc để bảo vệ Tổ Quốc. Những người lính hầu hết xuất thân là nông thôn, thành thực giản dị, mộc mạc như bác nông dân trên ruộng đồng kể chuyện cho nhau nghe bước vào đời lính ra sao trong bài thơ “Nhớ” của Hồng Nguyên

Lũ chúng tôi  
Bọn người tứ xứ,  
Gặp nhau hồi chưa biết chữ  
Quen nhau từ buổi “Một hai”  
Súng bắn chưa quen,  
Quân sự mươi bài  
Lòng vẫn cười vui kháng chiến

Đảng dẫn đường, tim có đất nước, người lính áo vải mộc mạc toát lên khí thế anh dùng bức cả thời đại   
Lột sắt đường tàu,  
Rèn thêm đao kiếm,  
Áo vải chân không,  
Đi lùng giặc đánh.  
 Lời thơ chứa đựng những hành mạnh mẽ gợi lại những năm tháng gian khổ của buổi đầu cuộc kháng chiến. Người lính thiếu thốn đủ thứ, trang phục, vũ khí. Anh vệ quốc còn được các nhân dân gọi hài hước là “anh vệ túm” bởi trang phục rách ngay trên chiến trường không kịp may vá, các anh lấy cỏ buộc túm lại, vũ khí thì vừa đánh giặc vừa tự trang bị. Nhưng cái đáng kể trong khổ thơ trên lại là hào khí của người lính, át cả khó khăn. Họ chủ động trong gian khổ, xông xáo trên chiến trường, lùng sục kẻ thù để tiêu diệt.

Để hiểu rõ hơn về người lính trong buổi đầu kháng chiến chống Pháp, nhất là tình đồng chí của các chiến sĩ, các em cùng đến với phần chia sẻ của các bạn học sinh lớp 8C1 về bài thơ Đồng Chí của Chính Hữu.

“Người lính và chiến tranh là đề tài quen thuộc trong thơ ca thời chống Pháp. Có rất nhiều những bài thơ hay viết về đề tài này song đặc sắc hơn cả là bài thơ “*Đồng chí*” của Chính Hữu. Chính Hữu viết bài thơ “Đồng chí” vào đầu năm 1948, khi đó ông là chính trị viên đại đội, đã từng theo đơn vị tham gia chiến dịch Việt Bắc, và cũng là người đã từng sống trong tình đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó vượt qua những khó khăn gian khổ trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc.

Trong 7 câu thơ đầu, nhà thơ lý giải cơ sở hình thành tình đồng chí thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng. Đầu tiên những người lính cùng chung cảnh ngộ xuất thân***.*** Trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, những chiến sĩ dũng cảm, kiên cường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc không ai khác chính là những người nông dân mặc áo lính.

*Quê hương anh nước mặn đồng chua.*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*

Với giọng điệu thủ thỉ, tâm tình như lời kể chuyện, tâm sự của hai người đồng đội nhớ lại kỉ niệm về những ngày đầu tiên gặp gỡ. Họ đều là con em của những vùng quê nghèo khó, là những nông dân ở nơi “nước mặn đồng chua” hoặc ở chốn “đất cày lên sỏi đá”. Hình ảnh “quê hương anh” và “làng tôi” hiện lên với biết bao nỗi gian lao vất vả. Thành ngữ dân gian được tác giả vận dụng rất tự nhiên khiến người đọc có thể dễ dàng hình dung được những miền quê nghèo khổ, nơi sinh ra những người lính. Ở đó những người nông dân đã cởi bỏ áo nâu ruộng đồng để khoác lên mình màu xanh áo lính. Khi nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ Quốc, họ sẵn sàng ra đi và nhanh chóng có mặt trong đoàn quân chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc. Giữa họ là lòng đồng cảm giai cấp, là cùng chung cảnh ngộ Chính sự tương đồng về cảnh ngộ, sự đồng cảm về giai cấp là sợi dây tình cảm đã nối họ lại với nhau, từ đây họ đã trở thành những người đồng chí, đồng đội.

Không chỉ được hình thành từ lòng đồng cảm giai cấp, tình đồng chí còn được tạo bởi sự đồng điệu về lí tưởng, nhiệm vụ.

*“Anh với tôi đôi người xa lạ*

*Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau*

*Súng bên súng, đầu sát bên đầu”*

Rõ ràng là trước khi nhập ngũ, họ là những người hoàn toàn xa lạ. Nghe theo tiếng gọi của tổ quốc họ lên đường. Ấy vậy mà khi vừa gặp nhau giữa họ đã có một sự gắn kết đến kì lạ. Họ hiểu nhau, thương nhau, tri kỉ với nhau bằng tình tương thân tương ái vốn có từ lâu giữa những người lao động. Nhưng “tự phương trời” họ về đây đứng trong cùng đội ngũ do họ có một lí tưởng chung, cùng một mục đích cao cả: chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc. Hình ảnh sóng đôi đã thể hiện sự gắn bó tương đồng của họ trong nhiệm vụ và lí tưởng chiến đấu: “*Súng bên súng đầu sát bên đầu”.* “Súng” và “đầu” là hình ảnh đẹp, mang ý nghĩa tượng trưng cho nhiệm vụ chiến đấu và lý tưởng cao đẹp. Có thể nói rằng lí tưởng và mục đích chiến đấu chính là điểm chung lớn nhất, là cơ sở để những con người vốn xa lạ gắn kết với nhau, trở thành đồng chí, đồng đội của nhau.

Cùng với lòng đồng cảm giai cấp và sự đồng điệu trong lí tưởng nhiệm vụ, tình đồng chí của những người lính còn được nảy nở từ trong những vất vả, gian lao cũng như niềm vui, đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt mà tác giả biểu hiện bằng một hình ảnh thật cụ thể, giản dị mà hết sức gợi cảm: “Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”. “ Chung chăn” có nghĩa là chung cái khắc nghiệt, khó khăn của cuộc đời người lính, nhất là chung hơi ấm để vượt qua cái lạnh. Câu thơ đầy ắp kỉ niệm và ấm áp tình đồng chí, đồng đội. Những câu thơ giản dị mà hết sức sâu sắc, như được chắt lọc từ cuộc sống, từ cuộc đời người lính gian khổ. Chính Hữu đã từng là một người lính, đã trải qua cuộc đời người lính nên câu thơ bình dị mà có sức nặng, sức nặng của tình cảm trìu mến, yêu thương với đồng đội.

Từ trong tâm khảm họ, bỗng bật thốt lên hai từ « đồng chí ». Từ “đồng chí” được đặt thành cả một dòng thơ ngắn gọn mà ngân vang, giản dị mà thiêng liêng. Từ “đồng chí’ với dấu chấm cảm như một nốt nhấn đặc biệt mang những sắc thái biểu cảm khac nhau, nhấn mạnh sự thiêng liêng cao cả trong tình cảm mới mẻ này. Đồng chí là cùng chí hướng, cùng mục đích. Nhưng trong tình cảm ấy một khi có cái lõi bên trong là « tình tri kỉ » lại được thử thách, được tôi rèn trong gian khổ thì mới thực sự vững bền. Không còn anh, cũng chẳng còn tôi, họ đã trở thành một khối đoàn kết, thống nhất gắn bó. Như vậy, trong tình đồng chí có tình cảm giai cấp, có tình bạn bè tri kỉ và có sự gắn bó giữa con người cùng chung lí tưởng, chung mục đích chiến đấu. Và khi họ gọi nhau bằng tiếng “đồng chí” họ không chỉ còn là người nông dân nghèo đói lam lũ, mà họ đã trở thành anh em trong cả một cộng đồng với một lý tưởng cao cả vì đất nước quên thân để tạo nên sự hồi sinh cho quê hương, cho dân tộc.

Có thể nói rằng “Đồng chí” của Chính Hữu là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy và nhất là 7 câu thơ đầu đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trân trọng, yêu mến những người lính bộ đội cụ Hồ và hơn cả là càng thêm tự hào về lịch sử oai hùng của dân tộc.”

Xin cảm ơn những lời bình thơ xúc động của các bạn 8C1!

Đời lính khi mang cây súng là gánh giang sơn trên vai, là trải qua muôn ngàn gian khổ và cận kề cái chết. Nhà thơ Quang Dũng đã viết về về điều đó thật cảm động qua bài thơ Tây Tiến:

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

Heo hút cồn mây súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống

Đó là tất cả những gian khổ, nguy hiểm do thiên nhiên đem đến mà người chiến sĩ Tây Tiến phải chịu đựng.

Anh bạn dãi dầu không bước nữa

Gục lên súng mũ, bỏ quên đời!

Quang Dũng nói cái thực trên con đường Tây Tiến. Bao người chiến sĩ đã nằm lại trên con đường hành quân. Có một điều lạ làm toả sáng cả ý thơ là người lính Tây Tiến đến lúc gục xuống vẫn cố gắng trong tư thế của người lính, chết rồi nhưng súng mũ vẫn còn đó, hành trang của người chiến sĩ vẫn còn trong tư thế tiếp tục cuộc hành trình. Miêu tả nét chiến sĩ với cái bi, nhưng là “bi tráng”. Nói cái gian khổ để đề cao chiến thắng nói hi sinh để nâng đức hi sinh của người lính lên tầm cao thời đại. Bởi chiến thắng nào là chiến thắng dễ dàng, không có hi sinh?

Bài thơ “Hoan hô chiến sĩ Điện Biên” của nhà thơ Tố Hữu có thể gọi là khúc ca khải hoàn của cuộc kháng chiến đã khắc họa đầy đủ và đẹp nhất hình ảnh người lính chống Pháp:

Hoan hô chiến sĩ Điện Biên  
Chiến sĩ anh hùng  
Đầu nung lửa sắt  
Năm mươi sáu ngày đêm, khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt  
Máu trộn bùn non  
Gan không núng  
Chí không mòn!  
Những đồng chí, thân chôn làm giá súng  
Đầu bịt lỗ châu mai  
Băng mình qua núi thép gai  
Ào ào vũ bão,  
Những đồng chí chèn lưng cứu pháo  
Nát thân, nhắm mắt, còn ôm.

Chiến sĩ là ai? Là hàng ngàn anh bộ đội, vệ quốc quân tại cứ điểm Điện Biên Phủ đang đối mặt với kẻ thù, quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh. Bài thơ là tiếng kèn chiến thắng, mang niềm vui bất tận đến muôn người. Trong tiếng kèn vang dội núi sông đó hiện lên hình ảnh Bác Hồ, vị Cha già dân tộc, hình ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp, người chỉ huy tài ba bằng chiến lược quân sự “đánh chắc, thắng chắc” khiến cho đối phương không kịp trở tay “Sét đánh ngày đêm xuống đầu giặc Pháp”. Đoạn thơ đã mô tả một cách trực diện cuộc chiến đấu gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt của quân dân ta để giành thắng lợi cuối cùng. Đó là bức chân dung sáng rỡ của tập thể những người chiến sĩ Điện Biên trong một cái nhìn toàn cảnh, còn đây là những đặc tả gương mặt của những anh hùng cụ thể, có tên tuổi như Bế Văn Đàn, Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện... đã được nhà thơ khắc ghi vào lịch sử văn học đời đời. Đất nước hồi sinh từ máu và nước mắt, từ tuổi thanh xuân của những anh hùng, liệt sĩ Điện Biên, đó không chỉ là những lời an ủi mà là sự tôn vinh vĩnh hằng!

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ và kí kết hiệp định Giơ ne vơ 1954, Miền Bắc hòa bình và xây dựng xã hội XHCN, Miền Nam bị chia cắt khỏi Tổ Quốc, đế quốc Mĩ âm mưu thâm độc. Một lần nữa cả nước lại ra trận, anh bộ đội trở thành anh Giải phóng quân.

“Có những ngày vui sao cả nước lên đường

*Xao xuyến bờ tre, từng hồi trống giục*

*Xóm dưới làng trên con trai con gái*

*Xôi nắm, cơm đùm ríu rít theo nhau*

*Súng nhỏ, súng to, phố phường chật hẹp*

*Tiếng cười hăm hở đầy sông đầy cầu”*

 (Đường ra mặt trận - Chính Hữu)

Vâng, vẫn là các anh bộ đội áo nâu chống Pháp trước kia, và hôm nay các anh lại tiếp tục lăn lộn trên chiến trường với kẻ thù mới: tàn bạo, hung ác hơn, vũ khí tối tân, hiện đại hơn. Buổi đầu cuộc kháng chiến chống Mĩ những năm 60, trang bị vẫn còn rất thô sơ, nhưng tư thế của các anh hiện lên thật hiên ngang, bất khuất:

“Hỡi người anh giải phóng quân

*Hai mươi năm chẳng dừng chân trên đường*

*Vẫn đôi dép lội chiến trường*

*Vẫn vành mũ lá coi thường hiểm nguy”*

(Tiếng hát xuân sang - Tố Hữu)

Anh bộ đội đánh Pháp ngày xưa chưa có được chiếc mũ tai bèo như anh giải phóng quân đánh Mĩ:

“Ôi cáí mũ vải mềm dễ thương như một bàn tay nhỏ

*Chẳng làm đau một chiếc lá trên cành*

*Sáng trên đầu như một mảnh trời xanh*

*Mà xông xáo, mà tung hoành ngang dọc*

*Mạnh hơn cả đạn bom, làm run sợ cả Lầu Năm Góc”*

 (Bài ca mùa xuân 1968 - Tố Hữu)

        Vành mũ tai bèo đó, đỉnh cao nhất trong con người anh, cả thế giới đã biết đến. Không biết anh là ai, tên gì, chỉ thấy anh có chiếc mũ tai bèo, người ta gọi anh là anh giải phóng quân. Thế thôi, rất đơn đơn sơ, nhưng nó đã khiến cho khắp năm châu nể phục:

“Ta muốn hỏi Trường Sơn

*Có đỉnh nào cao hơn*

*Chiếc mũ kia của chủ nghĩa anh hùng cách mạng?!”*

 (Xuân 68 - Tố Hữu)

Trường Sơn là chiến trường ác liệt nhất của cả nước, vượt qua dãy Trường Sơn là miền Nam ruột thịt. Vì thế mà đó là nơi tuổi trẻ Việt Nam chứng tỏ lòng yêu nước và khí thế mạnh mẽ của mình” Trường Sơn Đông nắng tây mưa/ Ai chưa đến đó như chưa rõ mình”

      Lớp lớp cha ông chúng ta đã vượt dãy Trường Sơn bằng một khí thế “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, mà lòng phơi phới dậy tương lai”. Đấy là mục đích, là lý tưởng của cuộc đời anh giải phóng. Đánh giặc, có ai nghĩ đó là công việc nhẹ nhàng?Thế mà các anh lại xem đó là chuyện thường, là niềm vui. Cho nên, phía trước là quân thù, các anh vẫn cầm chắc tay súng, vẫn tiếng cười lạc quan.

Phạm Tiến Duật trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” đã tái hiện lại hình ảnh người chiến sĩ lái xe thật ung dung, yêu đời, đầy chất lính trên tuyến đường Trường Sơn:

“Xe không có kính không phải vì xe không có kính

*Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi*

*Ung dung buồng lái ta ngồi*

*Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng*

Bài thơ đã khắc họa hình ảnh thơ vô cùng độc đáo của những tiểu đoàn xe có lẽ là độc nhất vô nhị trên thế giới: Xe không kính. Hiện lên trong mắt ta là hình ảnh những chiếc xe méo mó, trần trụi, xấu xí gần như chỉ trơ lại khung kim loại. Bởi vì bom đạn của kẻ thù. Chúng những tưởng có thể dùng sức mạnh áp đảo của vũ khí để đánh ngã tinh thần yêu nươc của quân dân ta. Nhưng không! Từ những nghĩa địa xe ô tô, những chiếc xe không kính được hồi sinh. Xấu xí, méo mó nhưng lại càng hùng hung, hiên ngang. Và khâm phục hơn chính là thái độ của những người lính lái xe không kính. *“Ung dung*” đặt trong phép đảo ngữ diễn tả thái độ tự tin, bình tĩnh, không nao núng, run sợ của người chiến sĩ. Điệp từ “*nhìn*” nhấn mạnh, khắc sâu vẻ đẹp trong cái nhìn của người chiến sĩ. Anh “*nhìn đất*” để thêm gắn bó yêu thương con đường Trường Sơn hào hùng, thân thuộc; “*nhìn trời*” để tâm hồn thêm lạc quan, bay bổng, thêm tin tưởng vào tương lai. Đặc biệt là cái “*nhìn thẳng”* khiến ta hình dung như họ đang đối mặt thẳng thắn với gian khổ, hi sinh mà không hề né tránh. Cả xe và người lính lái xe đều toát lên khí thế anh hùng thời chiến.

Ta gọi họ là những anh hùng. Nhưng họ cũng là những chàng trai, cô gái bình thường, họ có gia đình, có một tình yêu đang đợi họ trở về sau ngày đất nước thống nhât . Ta gọi họ là Thạch Sanh của thế kỉ XX, họ đã làm nên kì tích có một không hai trong lịch sử nhân loại, đã đánh ngã gục tên thực dân sừng sỏ và tên đế quốc mạnh nhất âm mưu thâu tóm cả thế giới. Nhưng họ cũng là những chàng trai bằng xương bằng thịt, máu đổ, xương tan trên chiến trường. Các em có biết trong cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ đã có bao chiến sĩ đã hi sinh?

Những con số biết nói sau các em phải biết, phải nhớ, phải khắc vào trong trái tim mình. Có 191.605 Liệt sỹ hi sinh trong kháng chiến chống Pháp. Có 849.018 Liệt sỹ hi sinh trong kháng chiến chống Mỹ. Có 1.146.250 Liệt sỹ trên cả nước qua haia cuộc kháng chiến. Máu của họ đã nhuộm thắm dải đất Việt Nam, đã hồi sinh sự sống. Tất cả chúng ta, ở đây, không loại trừ một ai, đều sinh ra từ triệu dòng máu ấy. Ta hãy tưởng nhớ và tri ân họ, cùng lắng nghe những dòng thơ trong “ Dáng đứng Việt Nam của Lê Anh Xuân

Dáng đứng Việt Nam

Anh ngã xuống đường băng Tân Sơn Nhứt

Nhưng Anh gượng đứng lên tì súng trên xác trực thăng

Và Anh chết trong khi đang đứng bắn

Máu Anh phun theo lửa đạn cầu vồng.

Chợt thấy Anh, giặc hốt hoảng xin hàng

Có thằng sụp xuống chân Anh tránh đạn

Bởi Anh chết rồi nhưng lòng dũng cảm

Vẫn đứng đàng hoàng nổ súng tiến công

Anh tên gì hỡi Anh yêu quý

Anh vẫn đứng lặng im như bức thành đồng

Như đôi dép dưới chân Anh giẫm lên bao xác Mỹ

Mà vẫn một màu bình dị, sáng trong

Không một tấm hình, không một dòng địa chỉ

Anh chẳng để lại gì cho riêng Anh trước lúc lên đường

Chỉ để lại cái dáng - đứng - Việt - Nam tạc vào thế kỷ:

Anh là chiến sỹ Giải phóng quân.

Tên Anh đã thành tên đất nước

Ôi anh Giải phóng quân!

Từ dáng đứng của Anh giữa đường băng Tân Sơn Nhấtt

Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân

Bài thơ đã làm chấn động cảm xúc của bất cứ trái tim Việt Nam nào, ai trong các em sống mũi đang cay xè? Ai trong các em mắt đang ướt rớm. Đừng giấu đi dòng cảm xúc tự nhiên đẹp đẽ ấy. Bởi chúng ta đều được lớn lên từ cái chết của triệu người. Tư thế hi sinh của anh:“ máu anh phun như lửa đạn cầu vồng/ và anh chết trong khi đang đứng bắn” in đậm trong trái tim thổn thức của chúng ta. Hình ảnh người chiến sĩ giải phóng quân hi sinh trên sân bay Tân Sơn Nhất với tư thế hiên ngang, lẫm liệt đã trở thành biểu tượng bất khuất của dân tộc ta

Tâm hồn và khí phách của các anh không chỉ làm nên một “Điện Biên chấn động địa cầu” mà còn làm cho cả nhân loại sửng sốt, thán phục. Đế quốc Mĩ thì kinh hoàng bởi một chiến dịch Hồ Chí Minh thần tốc! 30/4/1975, đế quốc Mĩ cút khỏi Việt Nam. Non sông thu về một mối. Cả dân tộc ca khúc khải hoàn. Lịch sử mãi mãi ghi khắc hình ảnh vĩ đại và công ơn trời biển của các anh - anh bộ đội cụ Hồ.

Sau 1975, đề tài chiến tranh và người lính vẫn tiếp tục là một đề tài quan trọng trong văn học, nhất là văn xuôi và trường ca. Thơ cũng tiếp tục theo đuổi việc miêu tả, thể hiện người lính nhưng với một tinh thần mở, với những nghiền ngẫm, suy tư về một thời đã qua theo tinh thần nhận thức lại. Cái đọng lại của thơ ca về người lính sau 1975 có lẽ là nghĩa tình “ uống nước nhớ nguồn”. Các em cùng đến với hoạt động bình thơ tác phẩm “Đồng dao mùa xuân” của các bạn học sinh 7B1

“Thơ viết về người lính luôn là áng thơ xanh, lay động lòng người. Bài thơ “ Đồng dao mùa xuân” của Nguyễn Khoa Điềm như một khúc nhạc trong trẻo, lảnh lót như chim rừng, cất lên giai điệu yêu thương không ngừng về người lính đã hi sinh tuổi thanh xuân, hiến máu xương cho đất nước.

Trong bài thơ có một câu chuyện nhỏ, nhân vật trung tâm trong bài thơ là người lính Đó là những người lính hồn nhiên, tinh nghịch:

Có một người lính

Chưa một lần yêu

Cà phê chưa uống

Còn mê thả diều

Dưới ngòi bút của tác giả, anh lính trong bài thơ hiện lên thật chân thật, gần gũi như hơi thở. Anh lính sao lại vô tư đến thế “ chưa một lần yêu”, cà phê còn chưa uống; sao anh lại đáng yêu thế, ở anh vẫn còn nguyên đôi nét trẻ thơ “ còn mê thả diều”. Hình như anh mới rời ghế nhà trường, hôm qua vẫn còn là học sinh với trang giấy trắng, tiếng gọi cứu nước đã khiến anh khoác lên tấm áo màu xanh tươi mới, vào chiến trường.Hình ảnh chiến đấu và hi sinh của người lính được nhà thơ hồi tưởng đầy xúc động:

Một lần bom nổ

Khói đen rừng chiều

Anh thành ngọn lửa

Bạn bè mang theo

Nhà thơ đã viết về giây phút hi sinh của người lính như một cuộc hóa thân, anh biến thành lửa. Ba hình ảnh: “bom nổ, khói đen, ngọn lửa” nhóm lên tính chất ác liệt của chiến trường. Những dòng thơ bốn chữ nghẹn ngào,dồn nén bao đau thương vẫn thật can trường, mạnh mẽ. Khi anh hi sinh, đồng đội của anh xót xa, nhưng các anh đã biến đau thương thành hành động cách mạng, thay anh chiến đấu đến ngày toàn thắng về ta.

Nửa bài thơ còn lại,tác giả viết về hình ảnh người lính, tuy anh đã hi sinh, nhưng anh sống mãi trong lòng đồng đội, trong lòng nhân dân ta. Mười,hai mươi năm sau, hình ảnh anh hiện lên không hề phai nhạt, càng sống động như thủa hôm nào anh ra trận:

Ba lô con cóc

Tấm áo màu xanh

Làn da sốt rét

Cái cười hiền lành

Dáng hình anh hiện lên càng chân thật, lòng ta có thể thấy anh ở bất cứ đâu trong núi rừng Trường Sơn:

Anh ngồi lặng lẽ

Dưới cội mai vàng

Anh ngồi rực rỡ

Màu hoa đại ngàn

Mắt như suối biêc

Vai đầy núi non

Tác giả đã lấy những màu sắc rực rỡ và sống động nhất của núi rừng để vẽ lên linh hồn của người lính. Có khi là dáng hình anh lặng lẽ, phản chiếu sắc vàng tươi lung linh của rừng hoa mai. Có khi biến ảo với đủ màu rực rỡ của muôn hoa khi xuân về. Hình ảnh so sánh “Mắt như suối biếc” gợi đôi mắt trong trẻo tuyệt đẹp của người lính trẻ; vai đầy núi non tượng trưng cho những trọng trách anh gánh trên vai. Anh đã hóa thân vào sông núi của Tổ Quốc, trở thành một phần máu thịt của đất nước. Lòng yêu nước, tinh thần hi sinh vì nhân dân của người lính khiến anh sống mãi trong lòng nhân dân và đất nước.

Bài thơ “Đồng dao mùa xuân” của Nguyễn Khoa Điềm là tựa một khúc hát ngợi ca người lính. Bài thơ là lời tri ân công lao hi sinh của các anh hùng, liệt sĩ. Đọc bài thơ chúng ta càng tự hào về người lính, những người đẹp nhất của Tổ Quốc. Chúng ta cần học tập, rèn luyện, phấn đấu góp sức cho quê hướng, đất nước, xứng đáng là thế hệ măng nón dũng khí của bậc cha ông anh hùng!”

Với hành trình bảy mươi tám năm, hình tượng người lính đã trở thành một phần không thể thiếu của thơ ca cách mạng Việt Nam. Một thời, thơ nằm trong ba lô người lính, trên báng súng người lính, trên cánh tay và trong trí nhớ người lính. Thậm chí, ngày nay một người cao tuổi cũng có thể đọc làu làu nhiều bài thơ viết về người lính và cách mạng.Việc điểm lại một số hình ảnh thơ tiêu biểu trong chương trình ngoại khóa hôm nay, không nhằm ngoài mục đích tái hiện lại một phần nhỏ hình ảnh anh bộ đội qua hai cuộc trường chinh chống Pháp và chống Mĩ. Giữa cuộc sống thanh bình, hạnh phúc của hiện tại, chúng ta càng nhớ, càng biết ơn các anh - anh bộ đội cụ Hồ, người con yêu trong lòng của các thế hệ nhân dân Việt Nam! Ghi nhớ công ơn của người lính sẽ khiến các em nghĩ khác và sống khác đi, nghĩ cho dòng máu Lạc Hồng, Sống cho xứng đáng với hi sinh của ông cha, xứng đáng là thế hệ trẻ, tương lai trở thành lực lượng xung kích trên mọi mặt trận tri thức, văn hóa,lao động, khoa học kĩ thuật để từ các em Tổ Quốc tiếp tục “bay lên bát ngát mùa xuân”!